

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-31
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-31
Phụ lục 01: Thông tin về các khoản vay ngắn hạn	30
Phụ lục 02: Thông tin về các khoản vay dài hạn	31

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Lợi	Ủy viên

Bỏ nhiệm ngày 26/04/2022

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Lợi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thủy Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên
Bà Trần Nguyệt Anh	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Tuấn

Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Số: 130323.002 /BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được lập ngày 13 tháng 03 năm 2023, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2022, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 373,37 tỷ đồng, lỗ lũy kế 216,21 tỷ đồng tương ứng 42,56% vốn góp của chủ sở hữu. Sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở thuyết minh số 01 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Lê Công Thắng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4422-2019-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNGPhường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		521.801.619.871	508.444.378.319
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.432.791.303	3.595.815.784
111	1. Tiền		4.432.791.303	3.595.815.784
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		478.597.651.268	422.538.191.100
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	476.309.877.469	419.571.660.638
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.170.672.800	2.885.324.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	291.381.952	255.486.615
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(174.280.953)	(174.280.953)
140	IV. Hàng tồn kho	8	37.460.068.469	75.796.447.590
141	1. Hàng tồn kho		37.460.068.469	75.796.447.590
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.311.108.831	6.513.923.845
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.311.108.831	3.770.515.626
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	2.743.408.219
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		793.385.090.178	845.866.343.080
220	II. Tài sản cố định		765.540.265.069	819.472.896.876
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	765.520.673.504	819.427.183.238
222	- Nguyên giá		1.258.722.041.923	1.258.463.491.923
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(493.201.368.419)	(439.036.308.685)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	19.591.565	45.713.638
228	- Nguyên giá		246.000.000	246.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(226.408.435)	(200.286.362)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		27.844.825.109	26.393.446.204
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	27.844.825.109	26.393.446.204
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.315.186.710.049	1.354.310.721.399

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÈP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam


Báo cáo tài chính


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.023.396.050.140	1.065.237.569.706
310	I. Nợ ngắn hạn		895.172.763.083	867.014.282.649
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	569.745.244.861	554.792.020.083
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.498.780.483	1.625.087.770
314	3. Phải trả người lao động		9.519.799.243	8.392.661.826
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	619.507.775	534.273.161
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.168.283.571	3.128.004.680
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	309.621.147.150	298.542.235.129
330	II. Nợ dài hạn		128.223.287.057	198.223.287.057
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	128.223.287.057	198.223.287.057
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		291.790.659.909	289.073.151.693
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	291.790.659.909	289.073.151.693
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		508.000.001.467	508.000.001.467
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		508.000.001.467	508.000.001.467
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(216.209.341.558)	(218.926.849.774)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(218.926.849.774)	(227.835.798.620)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		2.717.508.216	8.908.948.846
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.315.186.710.049	1.354.310.721.399


Nguyễn Thị Huệ
Người lập


Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng


Trần Tuấn
Tổng Giám đốc



Thái Nguyên, ngày 13 tháng 03 năm 2023

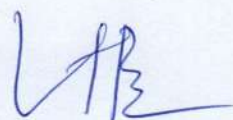
CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNGPhường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	5.471.416.823.823	6.066.998.508.373
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.471.416.823.823	6.066.998.508.373
11	4. Giá vốn hàng bán	20	5.410.918.311.055	5.991.812.076.154
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		60.498.512.768	75.186.432.219
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	7.953.189	9.189.177
22	7. Chi phí tài chính	22	39.321.873.206	47.536.135.119
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		39.200.061.956	47.385.685.442
25	8. Chi phí bán hàng	23	274.753.807	174.623.500
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	13.126.839.502	13.732.288.095
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.782.999.442	13.752.574.682
31	11. Thu nhập khác	25	758.715.199	174.306.231
32	12. Chi phí khác	26	2.907.273.931	73.844.297
40	13. Lợi nhuận khác		(2.148.558.732)	100.461.934
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.634.440.710	13.853.036.616
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	2.916.932.494	4.944.087.770
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.717.508.216	8.908.948.846
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	53	175


Nguyễn Thị Huệ
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởngTrần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.634.440.710	13.853.036.616
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		54.191.181.807	61.057.591.399
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.953.189)	(9.189.177)
06	- Chi phí lãi vay		39.200.061.956	47.385.685.442
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		99.017.731.284	122.287.124.280
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(53.316.051.949)	43.944.179.205
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		38.336.379.121	(50.354.540.665)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		17.081.251.928	30.777.080.986
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.008.027.890	(1.791.992.815)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(39.012.255.792)	(49.601.367.673)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.106.422.173)	(3.320.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		60.008.660.309	91.940.483.318
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(258.550.000)	(323.228.928)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.953.189	9.189.177
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(250.596.811)	(314.039.751)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		619.564.419.591	627.458.743.065
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(678.485.507.570)	(717.527.287.873)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(58.921.087.979)	(90.068.544.808)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNGPhường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		836.975.519	1.557.898.759
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.595.815.784	2.037.917.025
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>4.432.791.303</u>	<u>3.595.815.784</u>

Nguyễn Thị Huệ
Người lậpNguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởngTrần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 24 tháng 08 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 508.000.001.467 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 508.000.001.467 đồng; tương đương 50.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 269 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 274 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sắt, thép.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 31/12/2022, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 373,37 tỷ đồng, lỗ lũy kế 216,21 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty hiện đang có khách hàng truyền thống mua hàng với khối lượng lớn là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Đây cũng là bên cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty với thời gian thanh toán phù hợp để giảm áp lực về nhu cầu vốn lưu động mua nguyên vật liệu.

Việc được hỗ trợ nguồn đầu vào và bao tiêu nguồn đầu ra kể trên đã làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây đều có lãi, khoản lỗ lũy kế đã giảm từ 218,93 tỷ đồng tại ngày 01/01/2022 xuống còn 216,21 tỷ đồng tại ngày 31/12/2022.

Chính vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.4 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Đối với máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm kể từ ngày 01/01/2015 căn cứ vào công văn số 19139/BTC-TCDN ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung.

Ngoại trừ Máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất được trích theo phương pháp sản lượng. Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.8 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.11 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn, lãi chậm thanh toán ... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

2.21 . Thông tin bộ phận

Trong năm, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	166.386.496	81.720.277
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.266.404.807	3.514.095.507
	<u>4.432.791.303</u>	<u>3.595.815.784</u>

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>476.135.596.516</i>	-	<i>419.397.379.685</i>	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	476.135.596.516	-	419.397.379.685	-
<i>Bên khác</i>	<i>174.280.953</i>	<i>(174.280.953)</i>	<i>174.280.953</i>	<i>(174.280.953)</i>
Phải thu khách hàng khác	174.280.953	(174.280.953)	174.280.953	(174.280.953)
	<u>476.309.877.469</u>	<u>(174.280.953)</u>	<u>419.571.660.638</u>	<u>(174.280.953)</u>

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Glory Thành Đô	2.117.148.000	-	2.249.000.000	-
Công ty TNHH Cơ khí - Thương mại Lê Duyên Anh	-	-	587.400.000	-
Các đối tượng khác	53.524.800	-	48.924.800	-
	<u>2.170.672.800</u>	<u>-</u>	<u>2.885.324.800</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu người lao động về bảo hiểm bắt buộc	180.871.616	-	170.196.594	-
Tạm ứng	50.000.000	-	25.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	60.000.000	-
Phải thu khác	510.336	-	290.021	-
	291.381.952	-	255.486.615	-
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Bên liên quan	60.000.000	-	60.000.000	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	60.000.000	-	60.000.000	-
Bên khác	231.381.952	-	195.486.615	-
Lâm Thanh Hương	50.000.000	-	-	-
Trần Văn Hùng	-	-	25.000.000	-
Phải thu khác	181.381.952	-	170.486.615	-
	291.381.952	-	255.486.615	-

7 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	136.505.633	-	136.505.633	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Việt Thắng	37.775.320	-	37.775.320	-
	174.280.953	-	174.280.953	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNGPhường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.528.580.176	-	35.275.574.037	-
Công cụ, dụng cụ	931.488.293	-	957.147.582	-
Thành phẩm	-	-	39.563.725.971	-
	37.460.068.469	-	75.796.447.590	-

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	164.411.326.048	896.554.428.606	197.305.440.949	192.296.320	1.258.463.491.923
- Mua trong năm	-	258.550.000	-	-	258.550.000
Số dư cuối năm	164.411.326.048	896.812.978.606	197.305.440.949	192.296.320	1.258.722.041.923
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	52.051.237.083	333.384.037.818	53.445.260.477	155.773.307	439.036.308.685
- Khấu hao trong năm	7.051.236.843	38.396.226.303	8.709.276.592	8.319.996	54.165.059.734
Số dư cuối năm	59.102.473.926	371.780.264.121	62.154.537.069	164.093.303	493.201.368.419
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	112.360.088.965	563.170.390.788	143.860.180.472	36.523.013	819.427.183.238
Tại ngày cuối năm	105.308.852.122	525.032.714.485	135.150.903.880	28.203.017	765.520.673.504

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 764.452.948.909 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.932.177.910 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 31/12/2022 lần lượt là 246.000.000 đồng và 226.408.435 đồng. Khấu hao trong năm là 26.122.073 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa và công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	828.529.165	3.093.627.707
Chi phí mua bảo hiểm	426.792.044	451.520.419
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	55.787.622	225.367.500
	<u>1.311.108.831</u>	<u>3.770.515.626</u>
b) Dài hạn		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa xuất dùng chờ phân bổ	8.621.125.112	2.886.148.566
Vật liệu phụ phục vụ sản xuất (*)	19.174.529.997	23.507.297.638
Chi phí trả trước dài hạn khác	49.170.000	-
	<u>27.844.825.109</u>	<u>26.393.446.204</u>

(*) Vật liệu phụ phục vụ sản xuất là các phụ kiện phục vụ cán thép như trục cán, con lăn, lưỡi dao cắt ... có thời gian phân bổ trên 12 tháng.

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Bên liên quan	551.639.627.475	551.639.627.475	534.370.253.967	534.370.253.967
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	551.639.627.475	551.639.627.475	534.370.253.967	534.370.253.967
Bên khác	18.105.617.386	18.105.617.386	20.421.766.116	20.421.766.116
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ xăng dầu Đình Vũ	7.458.511.319	7.458.511.319	7.724.751.411	7.724.751.411
Phải trả nhà cung cấp khác	10.647.106.067	10.647.106.067	12.697.014.705	12.697.014.705
	<u>569.745.244.861</u>	<u>569.745.244.861</u>	<u>554.792.020.083</u>	<u>554.792.020.083</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Bù trừ tiền thuế đất nộp thừa năm 2021	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	16.970.816.236	15.906.633.844	-	-	1.064.182.392
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.624.087.770	2.916.932.494	3.106.422.173	-	-	1.434.598.091
Thuế Thu nhập cá nhân	-	1.000.000	111.382.667	112.382.667	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	256.609.360	181.881.843	74.727.517	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-
	-	1.625.087.770	20.258.740.757	19.310.320.527	74.727.517	-	2.498.780.483

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	590.033.459	524.038.545
- Chi phí phải trả khác	29.474.316	10.234.616
	619.507.775	534.273.161

15 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	103.233.869	96.980.824
- Phải trả lãi vay	2.956.404.927	2.834.593.677
+ <i>Lãi chậm thanh toán của Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú</i>	2.956.404.927	2.834.593.677
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	108.644.775	196.430.179
	3.168.283.571	3.128.004.680

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	228.542.235.129	228.542.235.129	619.564.419.591	608.485.507.570	239.621.147.150	239.621.147.150
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	228.542.235.129	228.542.235.129	619.564.419.591	608.485.507.570	239.621.147.150	239.621.147.150
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000
	298.542.235.129	298.542.235.129	689.564.419.591	678.485.507.570	309.621.147.150	309.621.147.150
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	268.223.287.057	268.223.287.057	-	70.000.000.000	198.223.287.057	198.223.287.057
	268.223.287.057	268.223.287.057	-	70.000.000.000	198.223.287.057	198.223.287.057
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	198.223.287.057	198.223.287.057			128.223.287.057	128.223.287.057

Thông tin bổ sung về các khoản vay được trình bày tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02.

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI TRUNGPhường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	508.000.001.467	(227.835.798.620)	280.164.202.847
Lãi trong năm trước	-	8.908.948.846	8.908.948.846
Số dư cuối năm trước	508.000.001.467	(218.926.849.774)	289.073.151.693
Số dư đầu năm nay	508.000.001.467	(218.926.849.774)	289.073.151.693
Lãi trong năm nay	-	2.717.508.216	2.717.508.216
Số dư cuối năm nay	508.000.001.467	(216.209.341.558)	291.790.659.909

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	93,68	475.876.533.387	93,68	475.876.533.387
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	4,77	24.208.538.080	4,77	24.208.538.080
Các cổ đông khác	1,55	7.914.930.000	1,55	7.914.930.000
	100	508.000.001.467	100	508.000.001.467

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp đầu năm	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp cuối năm	508.000.001.467	508.000.001.467

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên tại phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 49 năm, từ năm 2008 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là: 53.133,9 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2022	01/01/2022
- Phôi nhận gửi (tấn)	20.843,713	25.157,228
- Thép nhận gửi (tấn)	10.921,543	39.843,822

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	5.471.416.823.823	6.066.998.508.373
	<u>5.471.416.823.823</u>	<u>6.066.998.508.373</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<u>5.471.072.383.823</u>	<u>5.962.081.359.518</u>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	5.410.918.311.055	5.991.812.076.154
	<u>5.410.918.311.055</u>	<u>5.991.812.076.154</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<u>5.077.973.984.737</u>	<u>5.622.525.343.758</u>

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.953.189	9.189.177
	<u>7.953.189</u>	<u>9.189.177</u>

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	39.200.061.956	47.385.685.442
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	121.811.250	150.449.677
	<u>39.321.873.206</u>	<u>47.536.135.119</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.841.770	10.250.198
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.987.200	149.723.302
Chi phí khác bằng tiền	139.924.837	14.650.000
	274.753.807	174.623.500

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	864.445.150	777.128.674
Chi phí nhân công	5.093.220.196	5.831.287.356
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.078.441.806	1.095.364.383
Thuế, phí, lệ phí	259.609.360	258.409.065
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.059.622.987	2.299.058.132
Chi phí khác bằng tiền	3.771.500.003	3.471.040.485
	13.126.839.502	13.732.288.095

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thép phế thu hồi sau cán	-	112.500.000
Tiền bảo hiểm rủi ro tài sản máy biến áp	427.277.049	-
Tiền thuê đất được giảm 30% theo Quyết định 2878/QĐ-CTTNG ngày 31/12/2021	74.727.517	-
Thu nhập khác	256.710.633	61.806.231
	758.715.199	174.306.231
Trong đó: Thu từ bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	146.413.026	-

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế	-	50.904.672
Chi phí trong thời gian ngừng sản xuất	2.896.987.238	-
Chi phí khác	10.286.693	22.939.625
	2.907.273.931	73.844.297

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.634.440.710	13.853.036.616
Các khoản điều chỉnh tăng	8.950.221.762	10.867.402.233
- Chi phí không hợp lệ	8.950.221.762	10.867.402.233
Thu nhập chịu thuế TNDN	14.584.662.472	24.720.438.849
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	2.916.932.494	4.944.087.770
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.624.087.770	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(3.106.422.173)	(3.320.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.434.598.091	1.624.087.770

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.717.508.216	8.908.948.846
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.717.508.216	8.908.948.846
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.800.000	50.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	53	175

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.267.120.141.166	5.912.692.656.127
Chi phí nhân công	35.221.953.444	40.921.364.475
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.752.935.374	61.057.591.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.542.478.438	18.675.756.851
Chi phí khác bằng tiền	10.118.669.971	11.261.780.753
5.384.756.178.393	6.044.609.149.605	

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền	4.266.404.807	-	-	4.266.404.807
Phải thu khách hàng, phải thu khác	476.426.978.468	-	-	476.426.978.468
	<u>480.693.383.275</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>480.693.383.275</u>
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	3.514.095.507	-	-	3.514.095.507
Phải thu khách hàng, phải thu khác	419.652.866.300	-	-	419.652.866.300
	<u>423.166.961.807</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>423.166.961.807</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	309.621.147.150	128.223.287.057	-	437.844.434.207
Phải trả người bán, phải trả khác	572.913.528.432	-	-	572.913.528.432
Chi phí phải trả	619.507.775	-	-	619.507.775
	883.154.183.357	128.223.287.057	-	1.011.377.470.414
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	298.542.235.129	198.223.287.057	-	496.765.522.186
Phải trả người bán, phải trả khác	557.920.024.763	-	-	557.920.024.763
Chi phí phải trả	534.273.161	-	-	534.273.161
	856.996.533.053	198.223.287.057	-	1.055.219.820.110

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu		5.471.072.383.823	5.962.081.359.518
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	5.471.072.383.823	5.962.081.359.518
Mua hàng		5.077.973.984.737	5.622.525.343.758
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	5.077.973.984.737	5.622.525.343.758
Thu nhập khác		146.413.026	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	146.413.026	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên,
tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2022</u> VND	<u>Năm 2021</u> VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch HĐQT	80.700.000	74.700.000
Ông Trần Tuấn	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc	396.169.488	430.813.159
Ông Phạm Thế Dũng (*)	Ủy viên HĐQT, P. Tổng Giám đốc	43.035.212	334.832.767
Ông Phan Đình Hạnh (**)	Phó Tổng Giám đốc	31.298.336	267.278.367
Ông Nguyễn Đức Lợi	Ủy viên HĐQT, P. Tổng Giám đốc	318.223.873	85.217.000
Bà Đỗ Thùy Hương	Trưởng Ban kiểm soát	273.727.744	292.342.511
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên Ban kiểm soát	262.513.957	285.040.372
Bà Trần Nguyệt Anh	Thành viên Ban kiểm soát	25.000.000	12.000.000

(*): Ông Phạm Thế Dũng xin từ nhiệm từ 01/12/2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua ngày 26/04/2022 do đó thu nhập trong năm 2022 là tiền thưởng phân phối của năm 2021.

(**): Ông Phan Đình Hạnh miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc từ 01/09/2021 do đó thu nhập trong năm 2022 là tiền thưởng phân phối của năm 2021.

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thị Huệ
Người lập



Nguyễn Thị Minh Châu
Kế toán trưởng



Trần Tuấn
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 13 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN

(Đơn vị tính: VND)

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2022	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên						
1	HĐ vay ngắn hạn số 58.01/2021/2573181/HĐTD	12/08/2022	7,2%	5 tháng	3.410.146.227	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
2	HĐ vay ngắn hạn số 59.01/2021/2573181/HĐTD	15/08/2022	7,2%	5 tháng	1.827.507.856	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
3	HĐ vay ngắn hạn số 60.01/2021/2573181/HĐTD	23/08/2022	7,2%	5 tháng	15.529.194.724	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
4	HĐ vay ngắn hạn số 61.01/2021/2573181/HĐTD	25/08/2022	7,2%	5 tháng	4.072.996.615	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
5	HĐ vay ngắn hạn số 62.01/2021/2573181/HĐTD	15/09/2022	7,2%	5 tháng	6.116.901.726	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
6	HĐ vay ngắn hạn số 63.01/2021/2573181/HĐTD	28/09/2022	7,2%	5 tháng	2.569.779.507	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
7	HĐ vay ngắn hạn số 64.01/2021/2573181/HĐTD	30/09/2022	7,2%	5 tháng	2.021.281.130	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
8	HĐ vay ngắn hạn số 65.01/2021/2573181/HĐTD	07/10/2022	7,2%	5 tháng	3.065.519.697	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
9	HĐ vay ngắn hạn số 66.01/2021/2573181/HĐTD	10/10/2022	7,2%	5 tháng	22.220.521.628	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
10	HĐ vay ngắn hạn số 67.01/2021/2573181/HĐTD	12/10/2022	7,2%	5 tháng	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
11	HĐ vay ngắn hạn số 68.01/2021/2573181/HĐTD	12/10/2022	7,2%	5 tháng	5.595.885.422	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
12	HĐ vay ngắn hạn số 69.01/2021/2573181/HĐTD	13/10/2022	7,2%	5 tháng	7.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
13	HĐ vay ngắn hạn số 70.01/2021/2573181/HĐTD	13/10/2022	7,2%	5 tháng	8.467.640.021	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
14	HĐ vay ngắn hạn số 71.01/2021/2573181/HĐTD	21/11/2022	8,5%	5 tháng	12.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
15	HĐ vay ngắn hạn số 72.01/2021/2573181/HĐTD	22/11/2022	8,5%	5 tháng	11.500.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
16	HĐ vay ngắn hạn số 73.01/2021/2573181/HĐTD	23/11/2022	8,5%	5 tháng	12.300.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
17	HĐ vay ngắn hạn số 74.01/2021/2573181/HĐTD	24/11/2022	8,5%	5 tháng	14.928.543.747	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
18	HĐ vay ngắn hạn số 75.01/2021/2573181/HĐTD	25/11/2022	8,5%	5 tháng	15.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
19	HĐ vay ngắn hạn số 76.01/2021/2573181/HĐTD	25/11/2022	8,5%	5 tháng	11.967.079.430	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
20	HĐ vay ngắn hạn số 77.01/2021/2573181/HĐTD	28/11/2022	8,5%	5 tháng	12.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
21	HĐ vay ngắn hạn số 78.01/2021/2573181/HĐTD	28/11/2022	8,5%	5 tháng	2.212.240.041	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
22	HĐ vay ngắn hạn số 79.01/2021/2573181/HĐTD	29/11/2022	8,5%	5 tháng	11.840.923.797	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
23	HĐ vay ngắn hạn số 80.01/2021/2573181/HĐTD	30/11/2022	8,5%	5 tháng	14.176.945.742	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
24	HĐ vay ngắn hạn số 81.01/2021/2573181/HĐTD	08/12/2022	8,5%	5 tháng	9.274.263.834	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
25	HĐ vay ngắn hạn số 82.01/2021/2573181/HĐTD	14/12/2022	8,5%	5 tháng	2.747.532.868	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
26	HĐ vay ngắn hạn số 01.01/2022/2573181/HĐTD	27/12/2022	8,5%	5 tháng	2.776.243.138	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
27	HĐ vay ngắn hạn số 02.01/2022/2573181/HĐTD	29/12/2022	8,5%	5 tháng	5.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp
	Tổng cộng				239.621.147.150		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

PHỤ LỤC 2 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng - Số hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2022	Số dư đến hạn trả trong 12 tháng	Phương thức đảm bảo (*)
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Thái Nguyên				86.365.876.210	30.499.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	86.365.876.210	30.499.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Tuyên Quang				39.030.168.697	13.783.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	39.030.168.697	13.783.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Đông Đô (HN)				26.006.897.579	9.184.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	26.006.897.579	9.184.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân Hàng NN&PT Nông thôn CN Thái Nguyên				20.813.446.993	7.350.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	20.813.446.993	7.350.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Lưu xá (TN)				13.003.448.789	4.592.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	13.003.448.789	4.592.000.000	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương - CN Thái Nguyên				13.003.448.789	4.592.000.000	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	9,80%	13.003.448.789	4.592.000.000	Tài sản thế chấp
	Tổng cộng			198.223.287.057	70.000.000.000	

(*): Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.